

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /9/2023  
của UBND tỉnh Nam Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực máy in.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải xả ra ngoài qua 12 ống phóng không với vị trí như sau:

- + Vị trí 1: Tọa độ X (m) = 2262416; Y (m) = 0572003.
- + Vị trí 2: Tọa độ X (m) = 2262418; Y (m) = 0572006.
- + Vị trí 3: Tọa độ X (m) = 2262421; Y (m) = 0572005.
- + Vị trí 4: Tọa độ X (m) = 2262422; Y (m) = 0572005.
- + Vị trí 5: Tọa độ X (m) = 2262424; Y (m) = 0572004.
- + Vị trí 6: Tọa độ X (m) = 2262425; Y (m) = 0572003.
- + Vị trí 7: Tọa độ X (m) = 2262428; Y (m) = 0572003.
- + Vị trí 8: Tọa độ X (m) = 2262429; Y (m) = 0572002.
- + Vị trí 9: Tọa độ X (m) = 2262430; Y (m) = 0572001.
- + Vị trí 10: Tọa độ X (m) = 2262431; Y (m) = 0572001.
- + Vị trí 11: Tọa độ X (m) = 2262432; Y (m) = 0572001.
- + Vị trí 12: Tọa độ X (m) = 2262433; Y (m) = 0572000.

- Nguồn số 02: Tọa độ X (m) = 2262391; Y (m) = 0572979.

(Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ ; múi chiều  $3^{\circ}$ )

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất**

- Nguồn số 01: Lưu lượng khí thải 5.000 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn số 02: Không xác định.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải**

- Nguồn số 01: Xả cưỡng bức, gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.
- Nguồn số 02: Xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

Khí thải từ máy phát điện dự phòng (lắp đặt tại khu vực riêng) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí

thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch) trong mọi trường hợp.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đối với nguồn số 1 phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị cho phép QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750
3	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	05

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Nguồn số 01: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực máy in được thu gom bằng hệ thống đường ống tôn mạ kẽm và PVC, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 12 ống phóng không.

1.2. Công trình, thiết bị thu gom bụi, khí thải đối với hệ thống thu gom khí thải khu vực máy in

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Hơi mùi khí thải → Ống thu khí → Quạt hút → Thải ra ngoài môi trường qua ống phóng không cao 10 m tính từ nền nhà xưởng (Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT).

(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom khí thải được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở)

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải

- Bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách về môi trường của Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom khí thải.

Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Công ty tạm dừng sản xuất khu vực in, cho kiểm tra xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống thu gom khí thải khu vực máy in.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

12 vị trí tại lỗ kỹ thuật trên thân 12 ống phóng không, sau hệ thống thu gom khí thải khu vực máy in.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/lần tại lỗ kỹ thuật trên thân 12 ống phóng không, sau hệ thống thu gom khí thải khu vực in.

- Công ty có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### 3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường biện pháp thông thoáng nhà xưởng để hạn chế hơi mùi, bụi bông phát sinh tại xưởng sản xuất đệm.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Mỹ Lộc để kịp thời xử lý./.